

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 6 - 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Tuấn Mỹ

2. Ông Nguyễn Thắng Anh Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc Á** – sinh năm 1991 (Có mặt)

Nơi cư trú: **Thôn T, xã D, huyện D, Khánh Hòa.**

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Tuấn K** – sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: **Thôn N, xã D, huyện D, Khánh Hòa.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Huy B** – Chức vụ: Phó Giám đốc **PGD NHCSXH huyện D** (văn bản uỷ quyền số 283/NHCSXH-UQ ngày 09/11/2020) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Phạm Thị Ngọc Á** trình bày: Bà và ông **Nguyễn Tuấn K** tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại **Ủy ban nhân dân xã D** vào năm 2012. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ông **K** thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không tôn trọng bà, vô cớ chửi mắng, xúc phạm bà. Vì con cái, bà đã cố gắng chịu đựng, cho ông **K** cơ hội sửa đổi

nhưng ông vẫn không thay đổi tính tình. Cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng, áp lực. Từ năm 2020 đến nay, bà và ông **K** không còn chung sống với nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông **K**, cả hai đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, những rạn nứt trong quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Tuấn K**.

Về con chung: có 02 con chung là **Nguyễn Ngọc Kim T** – sinh ngày 15/3/2014 và **Nguyễn Chí T1** – sinh ngày 09/11/2017. Bà đồng ý giao con chung là **Nguyễn Ngọc Kim T** cho ông **K** nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi cháu **T**. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T1** và không yêu cầu ông **K** cấp dưỡng nuôi cháu **T1**.

Về tài sản chung: bà và ông **K** tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà xác định hiện tại bà và ông **K** còn nợ **Ngân hàng C** số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), bà vẫn thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho ngân hàng, ngân hàng cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại phiên toà, vắng mặt bị đơn ông **Nguyễn Tuấn K** dù đã được Toà án nhân dân huyện Diên Khánh triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông **K** có ý kiến trình bày: Về thời gian chung sống và kết hôn như bà **Á** trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, các con còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc của cả cha và mẹ, bản thân ông rất thương vợ con, mong muốn các con có gia đình đầm ấm, hạnh phúc nên ông không đồng ý ly hôn với bà **Phạm Thị Ngọc Á**.

Về con chung: có 02 con chung là **Nguyễn Ngọc Kim T** – sinh ngày 15/3/2014 và **Nguyễn Chí T1** – sinh ngày 09/11/2017. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý giao cháu **T1** cho bà **Á** nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi cháu **T**. Ông không cấp dưỡng nuôi cháu **T1** và cũng không yêu cầu bà **Á** cấp dưỡng nuôi cháu **T**.

Về tài sản chung: Ông và bà **Á** tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định hiện tại ông và bà **Á** còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại phiên toà, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – **Ngân hàng C**. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền – ông **Nguyễn Huy B** trình bày: Ngân hàng xác nhận ông **Nguyễn Tuấn K** và bà **Phạm Thị Ngọc Á** có vay của **Ngân hàng C** – Phòng giao dịch **huyện D** chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, số tiền vay 45.000.000 đồng. Hiện nay, khoản vay của bà **Á** và ông **K** chưa đến hạn thanh toán nợ và không vi phạm thời hạn trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết khoản nợ của ông **K**, bà **Á** trong vụ ly hôn này.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không đến tham gia phiên tòa. Về giải quyết nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị Ngọc Á**. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thủ tục tố tụng: Bị đơn ông **Nguyễn Tuấn K** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng C** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị Ngọc Á** và ông **Nguyễn Tuấn K** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/12/2012 và được **Ủy ban nhân dân xã D** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà **Phạm Thị Ngọc Á** vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Tuấn K**. Xét trong quá trình chung sống, giữa bà **Á** và ông **K** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tuy ông **K** không đồng ý ly hôn với bà **Á** nhưng trên thực tế ông **K** cũng không có những biểu hiện tích cực nào để cải thiện tình trạng hôn nhân, cũng như cuộc sống vợ chồng hiện tại nên tình cảm giữa ông **K** và bà **Á** ngày một xa cách, biểu hiện là bà **Á** đã chuyển đến nơi khác sinh sống từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà **Á** và ông **K** đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân khó có thể duy trì, hàn gắn lại nên yêu cầu ly hôn của bà **Phạm Thị Ngọc Á** đối với ông **Nguyễn Tuấn K** là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa giải ngày 03/5/2024, bà **Á** và ông **K** thống nhất giao con chung là **Nguyễn Chí T1** (sinh ngày 09/11/2017) cho bà **Á** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung **Nguyễn Ngọc Kim T** (sinh ngày 15/3/2014) cho ông **K** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà **Á** vẫn giữ nguyên ý kiến trên. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 03/5/2024 (bút lục số 99), nguyện vọng của cháu **T** mong muốn được ở với ông **K**. Xét ý kiến của các đương sự là phù hợp, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu **T1** cho bà **Á** nuôi dưỡng, giao cháu **T** cho ông **K** nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông **K**, bà **Á**.

Ông **K**, bà **A** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông **K** và bà **A** đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà **A** và ông **K** tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: **Ngân hàng C**, bà **A**, ông **K** không yêu cầu giải quyết nợ chung trong vụ án ly hôn này nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà **Phạm Thị Ngọc Á** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 227; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị Ngọc Á**.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị Ngọc Á** được ly hôn với ông **Nguyễn Tuấn K**.

- Về con chung: Bà **Phạm Thị Ngọc Á** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Chí Thiện – sinh ngày 09/11/2017. Ông **Nguyễn Tuấn K** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Nguyễn Ngọc Kim T** – sinh ngày 15/3/2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông **K**, bà **A**.

Ông **K**, bà **A** được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung nếu xét thấy cần thiết ông **K**, bà **A** có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2]. Về tài sản chung: Bà **A**, ông **K1** tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết

[4]. Về án phí: Bà **Phạm Thị Ngọc Á** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 12.300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà **A** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001128 ngày 25/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà **A** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. **H** lại cho bà **A** 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND huyện Diên Khánh;
 - Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
 - UBND xã Diên Sơn
- (Số 97 ngày 21/12/2012);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Bảo Ngân

